

**TÒA ÁN NHÂN D
HUYỆN Đ
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 57/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 31-5-2021

V/v “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN D HUYỆN Đ, TỈNH ĐỒNG NAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Viên.

Các Hội thẩm nhân D:

1. Bà Trương Thị Lệ Thanh.

2. Ông Hoàng Văn Đông.

- Thư ký phiên tòa: Ông Quách Kim Lân - Thư ký Tòa án nhân D huyện Đ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân D huyện Đ tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Luân – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân D huyện Đ, tỉnh Đồng Nai, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 11/2021/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 01 năm 2021 về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 48/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 71/2021/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 5 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phạm Thị N - sinh năm 1977.

Địa chỉ: tổ 2, ấp 2, xã G, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Thanh P - sinh năm 1976.

Địa chỉ: tổ 2, ấp 2, xã G, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai.

(Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 27/11/2020; bản tự khai ngày 18/01/2021 nguyên đơn là chị Phạm Thị N trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Thanh P tự nguyện sống chung với nhau vào năm 2003 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân D xã Gia Canh, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai, được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn vào ngày

26/12/2003. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh P không chăm lo làm ăn để phát triển kinh tế gia đình, thường xuyên chửi bới, xuôi đuổi chị và các con. Vì những điều này mà vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, bất hòa với nhau. Chị và anh P đã không còn chung sống với nhau từ năm 2018 đến nay. Nay chị nhận thấy không còn tình cảm với anh P nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Thanh P.

- Về con chung: Chị và anh Nguyễn Thanh P có 02 con chung tên là Nguyễn Thị Thanh N1 - sinh ngày 30/9/2004 và Nguyễn Thanh D - sinh ngày 19/4/2009. Khi ly hôn chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là cháu N1 và cháu D và không yêu cầu anh P cấp dưỡng đối với 02 con chung.

- Về tài sản chung: Chị và anh P tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Chị và anh P không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Thanh P: Sau khi Tòa án tiến hành thụ lý vụ án và tiến hành tổng đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án số 11/2021/TB-TLVA ngày 16 tháng 01 năm 2021 cho anh P nhưng không tổng đạt trực tiếp được nên Tòa án đã tiến hành niêm yết công khai Thông báo về việc thụ lý vụ án theo quy định. Anh Nguyễn Thanh P không có ý kiến trả lời theo quy định của pháp luật. Tòa án đã tiến hành niêm yết giấy triệu tập làm việc, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh P không đến Tòa án làm việc, hòa giải do đó anh P không có ý kiến trình bày.

Tại phiên tòa hôm nay đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án Thẩm phán đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; về quan hệ pháp luật, xác định tư cách pháp lý của đương sự, thẩm quyền thụ lý của Tòa án, thủ tục thu thập chứng cứ đúng quy định; quyết định đưa vụ án ra xét xử, thời hạn chuyển hồ sơ, thủ tục cấp tổng đạt cho các đương sự đảm bảo theo quy định pháp luật. Các quyền nghĩa vụ của đương sự được đảm bảo thực hiện. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã tiến hành tố tụng đúng trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; những người tham gia tố tụng chấp hành đúng pháp luật.

Nguyên đơn thực hiện đúng quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn chưa chấp hành đúng quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án:

Tình trạng hôn nhân giữa chị N và anh P đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu xin ly hôn của chị N là có căn cứ. Vì vậy, đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N.

Về con chung: Chị Phạm Thị N và anh Nguyễn Thanh P có 02 con chung tên là Nguyễn Thị Thanh N1 - sinh ngày 30/9/2004 và Nguyễn Thanh D - sinh

ngày 19/4/2009. Hiện 02 con chung đang sống cùng chị N được chị N nuôi dưỡng, chăm sóc tốt, các con chung đều có nguyện vọng được sống cùng chị N. Mặc khác chị N có thu nhập ổn định, có đạo đức tốt. Vì vậy, cần giao 02 con chung cho chị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, tạm thời anh P không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con do chị N không yêu cầu.

Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

Về án phí: Chị N chịu 300.000 đồng án phí D sự sơ thẩm đối với tranh chấp hôn nhân gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bị đơn anh Nguyễn Thanh P hiện cư trú tại ấp 2, xã Gia Canh, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân D huyện Đ theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật: Chị Phạm Thị N yêu cầu khởi kiện ly hôn với anh Nguyễn Thanh P, yêu cầu được nuôi con nên xác định quan hệ pháp luật trong vụ án là "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo quy định tại Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về xác định tư cách đương sự: Chị Phạm Thị N là nguyên đơn; anh Nguyễn Thanh P là bị đơn theo Điều 68 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn chị Phạm Thị N có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn anh Nguyễn Thanh P đã được triệu tập hợp lệ hai lần mà vẫn vắng mặt. Căn cứ Điều 227, Điều 228, điểm a, b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[5] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Chị N và anh P tự nguyện đăng ký kết hôn, được Ủy ban nhân dân xã Gia Canh, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai, được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn vào ngày 26/12/2003 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu khởi kiện của chị N: Chị N xin ly hôn với lý do anh P không chăm lo làm ăn, thường xuyên chửi bới chị và các con. Qua thu thập chứng cứ tại chính quyền địa phương thể hiện: Vợ chồng chị N và anh P thật sự có mâu thuẫn, vợ chồng đã không còn chung sống với nhau.

Qua xem xét lời trình bày của chị N, chứng cứ Tòa án thu thập được có đủ căn cứ xác định vợ chồng chị N anh P thật sự đã có mâu thuẫn, vợ chồng đã không còn quan tâm chăm sóc nhau, vi phạm quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, dẫn đến hôn nhân lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt

được. Mặt khác, anh P không tham gia hòa giải để vợ chồng đoàn tụ, điều này thể hiện anh P không mong muốn vợ chồng đoàn tụ. Xét thấy, cuộc sống vợ chồng giữa chị N anh P đã có mâu thuẫn, khả năng đoàn tụ không có nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N, giải quyết cho chị N được ly hôn với anh P theo Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[6] Về con chung: Chị N và anh P có 02 con chung tên là Nguyễn Thị Thanh N1 - sinh ngày 30/9/2004 và Nguyễn Thanh D - sinh ngày 19/4/2009. Qua thu thập chứng cứ tại chính quyền địa phương thể hiện 02 con chung hiện đang được chị N nuôi dưỡng, phát triển bình thường, các con chung đều có nguyện vọng được sống cùng với chị N, chị N có thu nhập ổn định, có đạo đức tốt. Xét thấy việc giao 02 con chung là cháu N1 và cháu D cho chị N nuôi dưỡng là đảm bảo được việc phát triển bình thường của các con chung. Hội đồng xét xử giao 02 con chung là cháu N1 và cháu D cho chị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Tạm thời anh P không phải cấp dưỡng nuôi con do chị N không yêu cầu.

Anh P có quyền đi lại thăm nom con không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chưa thành niên, các bên được quyền thay đổi việc nuôi con chung và mức cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

[7] Về tài sản chung và nợ chung: Tòa án không xem xét, giải quyết.

[8] Về án phí: Chị N chịu 300.000 đồng tiền án phí D sự sơ thẩm đối với tranh chấp hôn nhân gia đình.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, điểm a, b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 9, 10, 11 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; các Điều 19, 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84, 131 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1) Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Phạm Thị N. Chị Phạm Thị N được ly hôn với anh Nguyễn Thanh P.

2) Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Thanh N1 - sinh ngày 30/9/2004 và Nguyễn Thanh D - sinh ngày 19/4/2009 cho chị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con: Tạm thời anh Nguyễn Thanh P không phải cấp dưỡng nuôi con do chị Phạm Thị N không yêu cầu.

Anh Nguyễn Thanh P có quyền đi lại thăm nom con không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chưa thành niên, các bên được quyền thay đổi việc nuôi con chung và mức cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

3) Về tài sản chung và nợ chung: Tòa án không xem xét, giải quyết.

4) Về án phí: Chị Phạm Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp hôn nhân gia đình được căn trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị N đã nộp theo biên lai số 0005621 ngày 06/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ. Chị N đã nộp đủ án phí.

5) Về quyền kháng cáo: Chị Phạm Thị N và anh Nguyễn Thanh P được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- VKSND huyện Đ;
- Chi cục Thi hành án D sự Đ;
- Các đương sự;
- UBND xã Thanh Sơn (giấy CNKH số 76, Quyền số 07/2010 ngày 02/4/2010);
- Lưu hồ sơ vụ án.

Trần Thị Viễn

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

